

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng kể từ học kỳ I năm học 2021-2022.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan và sinh viên đại học hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TSCTSV.



FGS.TS. Nguyễn Trường Thịnh

QUY ĐỊNH

**Về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy tại
 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-DHSPKT ngày 04 tháng 6 năm 2021 của
 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (sau đây viết tắt là SV) được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; Phân loại và quy trình đánh giá; Tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; Tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với SV được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mục đích

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung rèn luyện phải cụ thể, phù hợp, định hướng và tạo điều kiện cho SV có môi trường rèn luyện tốt.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện là việc làm thường xuyên trong suốt quá trình học tập của SV tại trường. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá tại quy định này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền lợi của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 4. Nội dung đánh giá và khung điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của SV là xem xét, đánh giá về ý thức, thái độ của từng SV theo các mức điểm đạt được trên các mặt sau:

a) Ý thức và kết quả học tập;

b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định của trường;

c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;



d) Ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng;

đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác của lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng khung điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá, bao gồm:

a) Ý thức và thái độ trong học tập;

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, tham quan, kiến tập, hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật;

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 20 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá, bao gồm:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường;

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 25 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá, bao gồm:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 20 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá, bao gồm:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 25 điểm.

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá, bao gồm:
 - a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của SV được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các câu lạc bộ/đội/nhóm trong trường;
 - b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các câu lạc bộ/đội/nhóm trong trường;
 - c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và trường;
 - d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.
2. Phân loại kết quả điểm rèn luyện như sau:

- a) Từ 90 điểm đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 điểm đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 điểm đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 điểm đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 35 điểm đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- f) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 11. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian SV bị kỷ luật mức khiển trách, kết quả đánh giá rèn luyện không được vượt quá loại khá.
2. Trong thời gian SV bị kỷ luật mức cảnh cáo, kết quả đánh giá rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp trễ hạn (hoặc chậm tiến độ) so với thời gian quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp.
6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung

thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của SV tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện và sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện ở chương trình thứ nhất và lấy kết quả dùng chung cho chương trình thứ hai. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện đối với chương trình thứ hai.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục Đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục Đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục Đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 12. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Đầu học kỳ, Ban chủ nhiệm khoa hướng dẫn Ban cán sự Lớp SV tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc đánh giá kết quả rèn luyện đến từng SV trong lớp theo đúng quy định;

2. Trong suốt học kỳ,

a) Sinh viên tích lũy điểm rèn luyện bằng cách tham gia các hoạt động do các đơn vị tổ chức (Phụ lục 1 – Bảng khung điểm các hoạt động);

b) Các đơn vị (phòng, khoa, ban, trung tâm và các đoàn thể), cá nhân là viên chức có trách nhiệm tổng hợp và cập nhật thường xuyên tất cả nội dung và kết quả của các hoạt động liên quan đến việc đánh giá và cho điểm rèn luyện của SV vào phần mềm chuyên biệt, chậm nhất là một tuần kể từ ngày kết thúc của mỗi hoạt động;

c) Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra và có quyền đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi các nội dung còn thiếu hoặc sai lệch so với điểm kết quả được công bố trên phần mềm chuyên biệt liên quan đến việc đánh giá và cho điểm rèn luyện đối với mỗi hoạt động tham gia trong thời gian hai tuần kể từ ngày điểm được công bố.

3. Việc đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ của SV được tiến hành sau khi kết thúc học kỳ, theo trình tự sau:

a) Vào tuần đầu tiên của học kỳ tiếp theo, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm hoàn thiện việc đánh giá và cho điểm rèn luyện của SV vào phần mềm chuyên biệt;

b) Vào tuần thứ hai của học kỳ tiếp theo, Thường trực Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện của SV cấp trường tiến hành khóa chức năng nhập điểm, tính tổng điểm và công bố kết quả tổng điểm rèn luyện của SV trên phần mềm chuyên biệt;

c) Vào tuần thứ ba của học kỳ tiếp theo, SV kiểm tra các nội dung và kết quả hoạt động rèn luyện của cá nhân trên trang online SV (<https://online.hcmute.edu.vn/>); SV được quyền khiếu nại về tổng điểm rèn luyện của cá nhân trong thời gian này.

Sinh viên thống nhất kết quả điểm rèn luyện học kỳ của cá nhân bằng việc xác nhận bảng điểm rèn luyện trên trang online SV. SV không thực hiện sẽ bị trừ 10 (mười) điểm rèn luyện (dựa trên kết quả do phần mềm chuyên biệt đánh giá) và không có quyền khiếu nại các vấn đề liên quan đến điểm rèn luyện cá nhân trong học kỳ được đánh giá.

d) Vào tuần thứ tư của học kỳ tiếp theo, Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp trường tiến hành họp để thông qua kết quả đánh giá rèn luyện của SV và trình Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định công nhận kết quả rèn luyện của SV.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 13. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp trường

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp trường (viết tắt là HD) là đơn vị tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng SV và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

2. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Chủ tịch HD: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- b) Thường trực HD: Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác SV.
- c) Thư ký HD: Một chuyên viên thuộc phòng Tuyển sinh và Công tác SV.

d) Các Thành viên HD gồm: Đại diện lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm (mỗi đơn vị cử 01 người), Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường và Chủ tịch Hội SV trường.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ sau:

- a) Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng SV và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng;
- b) Căn cứ vào các quy định hiện hành tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của SV và đề nghị Hiệu trưởng công nhận;
- c) Theo đề xuất của Thường trực HD, Chủ tịch HD quyết định các vấn đề phát sinh đặc biệt.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng:

- a) Hội đồng họp một lần vào đầu mỗi học kỳ. Khi cần thiết, HD có thể họp các phiên bất thường;
- b) Các thành viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HD (trường hợp vắng mặt phải được sự đồng ý của Chủ tịch HD). Các cuộc họp của HD được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của HD tham dự;
- c) Hội đồng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của SV bằng hình thức giơ tay biểu quyết.

Điều 14. Thời gian đánh giá và cách tính điểm rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của năm (05) nội dung đánh giá (Phụ lục 1 – Bảng khung điểm các hoạt động). Mỗi năm học có hai (02) học kỳ đánh giá điểm rèn luyện, các nội dung đánh giá điểm rèn luyện thuộc học kỳ hè (nếu có) được tính vào học kỳ II của năm học đó.

3. Điểm rèn luyện năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của hai (02) học kỳ trong năm học.

[Signature]

4. Điểm rèn luyện toàn khóa là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 15. Việc sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, từng năm học của SV được lưu trong hồ sơ quản lý SV của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bỗng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của SV được lưu trong hồ sơ quản lý SV của trường, làm căn cứ để xét làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp, để xét tốt nghiệp và xét khen thưởng toàn khóa.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của SV khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên được cấp bảng điểm kết quả rèn luyện theo học kỳ khi có yêu cầu (theo mẫu đính kèm).

5. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Hiệu trưởng xem xét biểu dương, khen thưởng.

6. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo theo Quyết định của Hội đồng kỷ luật và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 16. Quyền khiếu nại và đánh giá bổ sung

1. Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của SV được công khai cho SV biết để kiểm tra, khiếu nại, đề nghị bổ sung trên trang online SV (<https://online.hcmute.edu.vn/>).

2. Sinh viên được quyền khiếu nại hoặc đề nghị bổ sung nội dung đánh giá rèn luyện với đơn vị tổ chức chương trình SV đã tham gia nếu việc đánh giá kết quả rèn luyện không chính xác và chỉ được thực hiện quyền này trong thời hạn đánh giá kết quả rèn luyện của từng học kỳ.

3. Sinh viên được quyền giải trình với đơn vị, cá nhân phụ trách nội dung rèn luyện về lý do vi phạm ở các nội dung bị trừ điểm để được xem xét không bị trừ điểm nếu có lý do chính đáng và chỉ được thực hiện quyền này trong thời hạn một tuần sau khi đơn vị đó công bố nội dung đánh giá rèn luyện trên trang online SV.

4. Các đơn vị, cá nhân tổ chức các hoạt động rèn luyện có trách nhiệm xem xét các khiếu nại hoặc đề nghị bổ sung nội dung đánh giá rèn luyện của SV và giải quyết hoặc trả lời cho SV trong thời gian một tuần, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại.

5. Sinh viên được quyền khiếu nại đến Hiệu trưởng thông qua Thường trực HĐ đánh giá kết quả rèn luyện SV cấp trường khi không đồng ý về kết quả xử lý khiếu nại của các đơn vị, cá nhân tổ chức các hoạt động rèn luyện hoặc quá thời gian giải quyết khiếu nại mà đơn vị, cá nhân trên không thực hiện giải quyết cho SV. Thời gian khiếu nại phải thực hiện trước khi chạy phần mềm đánh giá điểm rèn luyện quy định tại Điều 12 Quy định này.

6. Sau khi Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận điểm rèn luyện của SV, mọi khiếu nại về hoạt động rèn luyện của học kỳ đã đánh giá không được giải quyết. Các trường hợp đặc biệt, do Hiệu trưởng quyết định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Tuyển sinh và Công tác SV là đơn vị Thường trực HD đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường, có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, quản lý kết quả đánh giá điểm rèn luyện của SV qua phần mềm đánh giá điểm rèn luyện;

b) Kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các đơn vị trong trường về việc tổ chức thực hiện và cập nhật điểm các hoạt động liên quan đến đánh giá điểm rèn luyện của SV;

c) Cập nhật các nội dung liên quan đến điểm rèn luyện cho SV: danh sách khen thưởng, kỷ luật SV; danh sách thành viên đội tuyển trường tham gia dự thi các cuộc thi các cấp; danh sách SV tham gia các hoạt động công tác xã hội; danh sách SV vi phạm sinh hoạt công dân đầu khóa; danh sách SV tham gia các hoạt động do đơn vị ngoài trường tổ chức;

d) Tổ chức các buổi họp HD đánh giá kết quả rèn luyện SV cấp trường;

d) Xử lý khiếu nại của SV quy định tại Khoản 5, Điều 16 Quy định này; Đánh giá bổ sung điểm rèn luyện của SV sau khi xử lý khiếu nại (nếu có);

e) Đề xuất Hiệu trưởng ra Quyết định khen thưởng SV hoặc Quyết định ngừng học, buộc thôi học do kết quả rèn luyện yếu, kém.

2. Phòng Đào tạo: Chịu trách nhiệm cung cấp điểm trung bình chung học kỳ của SV đúng tiến độ thực hiện đánh giá điểm rèn luyện.

3. Phòng Khoa học Công nghệ và Quan hệ quốc tế: Tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV danh sách SV có bài tham luận, báo cáo, các công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ và kết quả tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế ở các cấp của SV.

4. Phòng Thanh tra Giáo dục: Tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV danh sách SV thực hiện các quy định, quy chế về học tập, thi kiểm tra; danh sách SV vi phạm quy chế thi, kiểm tra (chưa đến mức độ phải xử lý kỷ luật về mặt hành chính).

5. Phòng Kế hoạch – Tài chính: Cung cấp danh sách SV vi phạm quy định đóng học phí; nợ tạm ứng nghiên cứu khoa học trong học kỳ cho thường trực HD đánh giá điểm rèn luyện cấp trường; chi kinh phí thực hiện Quy định (nếu có).

6. Ban Quản lý Ký túc xá: Tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV danh sách SV ký túc xá không thực hiện tốt nội quy Ký túc xá.

7. Phòng Tổ chức Hành chính: Tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV danh sách SV vi phạm nội quy, quy chế về an ninh trật tự của trường.

8. Đoàn Thanh niên – Hội SV: Tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV các nội dung sau:

- a) Danh sách Đảng viên là SV, Đoàn viên, Hội viên Hội SV, thành viên Câu lạc bộ/Đội/Nhóm do đơn vị phụ trách;
- b) Đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ Đoàn – Hội trong học kỳ;
- c) Danh sách và kết quả tham gia của SV trong các hoạt động rèn luyện do tổ chức Đoàn – Hội các cấp tổ chức;
- d) Danh sách các đoàn viên, SV bị kỷ luật hoặc được biểu dương, khen thưởng ở các cấp Đoàn – Hội.

9. Trạm Y tế: Cung cấp danh sách SV không đóng bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định cho Thường trực HĐ đánh giá điểm rèn luyện cấp trường.

10. Các Khoa đào tạo quản lý SV: Tổ chức các hoạt động rèn luyện cho SV tham gia, tổng hợp và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV

- a) Danh sách và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ ban cán sự lớp.
- b) Danh sách và kết quả tham gia của SV trong các hoạt động rèn luyện do khoa tổ chức;
- c) Danh sách sinh viên bị cấm thi trong học kỳ;
- d) Giảng viên nhận xét, đánh giá và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV danh sách SV vi phạm các quy chế, nội quy của trường về đạo đức tác phong và ý thức học tập của SV.

11. Các đơn vị khác: Tổ chức các hoạt động rèn luyện cho SV tham gia; tổng hợp danh sách và cập nhật vào phần mềm đánh giá điểm rèn luyện của SV các hoạt động rèn luyện do đơn vị tổ chức.

Điều 18. Kinh phí

1. Trường chi kinh phí cho các đơn vị thực hiện Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV từ nguồn dự toán kinh phí năm học hàng năm của Phòng Tuyển sinh và Công tác SV.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính chịu trách nhiệm chi kinh phí thực hiện Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng để đánh giá kết quả rèn luyện của SV đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ học kỳ I năm học 2021-2022.

2. Các quy định trước đây trái với quy định này không còn hiệu lực.

3. Sinh viên đại học hệ chính quy, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này./. 



Phụ lục 1

BẢNG KHUNG ĐIỂM RÈN LUYỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-DHSPKT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng)

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM	ĐỊNH LƯỢNG
I. HỌC TẬP: từ 0 - 20 điểm (điểm vượt khung không quá 50% - tối đa 30 điểm)			
I.1	Điểm TBC học kỳ xếp loại Xuất sắc	18	9.50 - 10
		17	9.0 – 9.49
I.2	Điểm TBC học kỳ xếp loại Giỏi	16	8.50 – 8.99
		15	8.0 - 8.49
I.3	Điểm TBC học kỳ xếp loại Khá	14	7.50 - 7.99
		13	7.0 - 7.49
		12	6.50 - 6.99
I.4	Điểm TBC học kỳ xếp loại Trung bình	11	6.0 - 6.49
		10	5.50 - 5.99
		9	5.0 - 5.49
I.5	Điểm TBC học kỳ xếp loại Yếu	7	4.50 - 4.99
		5	4.0 - 4.49
I.6	Điểm TBC học kỳ xếp loại kém	4	3.0 - 3.99
		2	2.0 - 2.99
		0	< 2.0
I.7	Điểm cộng khi đạt các nội dung sau:		
I.7.1	- Là thành viên của Câu lạc bộ/Nhóm học thuật cấp khoa	1	Điểm/dơn vị
I.7.2	- Là thành viên của Câu lạc bộ/Nhóm học thuật cấp trường	2	Điểm/dơn vị
I.7.3	- Có bài tham luận, báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học cấp khoa	3	điểm/bài, báo cáo
I.7.4	- Có bài tham luận, báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học cấp trường	5	điểm/bài, báo cáo
I.7.5	- Có bài tham luận, báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học cấp tinh, thành	7	điểm/bài, báo cáo
I.7.6	- Có bài tham luận, báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế	10	điểm/bài, báo cáo
I.7.7	- Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được nghiệm thu	10	điểm/de tài
I.7.8	- Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp tinh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên được nghiệm thu	15	điểm/de tài
I.7.9	- Có bài viết được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước	7	điểm/bài
I.7.10	- Có bài viết được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành Quốc tế	10	điểm/bài
I.7.11	- Dự thi các cuộc thi, hội thi học thuật cấp khoa	3	điểm/cuộc thi
I.7.12	- Dự thi các cuộc thi, hội thi học thuật cấp trường	5	điểm/cuộc thi
I.7.13	- Dự thi các cuộc thi, hội thi học thuật cấp tinh, thành phố trở lên	7	điểm/cuộc thi
I.7.14	- Tham dự các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề, tọa đàm, huấn luyện kỹ năng, sinh hoạt, giao lưu, trao đổi về học tập, NCKH – cấp Khoa	2	điểm/buổi
I.7.15	- Tham dự các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề, tọa đàm, huấn luyện kỹ năng, sinh hoạt, giao lưu, trao đổi về học tập, NCKH – từ cấp Trường trở lên.	3	điểm/buổi



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM	ĐỊNH LƯỢNG
1.7.16	- Tham dự các buổi Lễ trao học bổng, hội thảo, chuyên đề, tọa đàm, huấn luyện kỹ năng, sinh hoạt, giao lưu với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng – cấp Khoa	2	điểm/buổi
1.7.17	- Tham dự các buổi Lễ trao học bổng, hội thảo, chuyên đề, tọa đàm, huấn luyện kỹ năng, sinh hoạt, giao lưu với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng – từ cấp Trường trở lên (tổ chức tại trường)	3	điểm/buổi
1.7.18	- Tham gia học tập, thực tập, tham quan kiến tập tại các đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường (do đơn vị hoặc cá nhân là người của trường giới thiệu)	3	điểm/chương trình
1.7.19	- Kết quả học tập tăng 1 bậc (xếp loại) so với học kỳ trước liền kề	2	điểm/bậc
1.8	Điểm trừ khi vi phạm các nội dung sau:		
1.8.1	- Bị cấm thi	-5	điểm/môn
1.8.2	- Trễ hạn báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học	-2	1 lần
1.8.3	- Hủy đề tài nghiên cứu khoa học	-4	1 lần
1.8.4	- Đến muộn giờ học, giờ thực tập	-1	điểm/lần
1.8.5	- Nghi học không phép	-2	điểm/lần
1.8.6	- Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học	-1	điểm/lần
1.8.7	- Học hộ, nhờ người khác học hộ (điểm danh thay)		
1.8.7.1	• Vi phạm lần 1	-4	1 lần
1.8.7.2	• Khiển trách	-8	1 lần
1.8.7.3	• Cảnh cáo	-16	1 lần
1.9	Điểm thưởng		
1.9.1	Đạt giải III (hoặc giải C), khuyến khích trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp trường hoặc tương đương	2	điểm/thành tích
1.9.2	Đạt giải I, II (hoặc giải A, B) trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp trường hoặc tương đương	3	điểm/thành tích
1.9.3	Đạt giải III (hoặc giải C), khuyến khích trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	4	điểm/thành tích
1.9.4	Đạt giải I, II (hoặc giải A, B) trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên	5	điểm/thành tích
1.9.5	Đạt giải III (hoặc giải C), khuyến khích trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp Trung ương trở lên	6	điểm/thành tích
1.9.6	Đạt giải I, II (hoặc giải A, B) trong nghiên cứu khoa học hoặc các cuộc thi học thuật cấp Trung ương trở lên	7	điểm/thành tích
II. CHAP HÀNH NỘI QUY, QUY CHÉ: từ 0 - 25 điểm (điểm dưới 0, làm tròn về 0 điểm)			
II.1	Thực hiện tốt nội quy, quy chế, không bị kỷ luật	25	
II.2	Không tham gia sinh hoạt lớp	-2	điểm/lần
II.3	Vi phạm quy chế kiểm tra, thi học kỳ (chưa đến mức độ phải xử lý kỷ luật về mặt hành chính)		
II.3.1	- Khiển trách tại phòng thi	-2	1 lần
II.3.2	- Cảnh cáo tại phòng thi	-4	1 lần
II.3.3	- Đinh chỉ thi 01 môn	-8	1 lần
II.4	Vi phạm quy chế thi học kỳ (đến mức độ phải xử lý kỷ luật về mặt hành chính)		
II.4.1	- Khiển trách	-8	1 lần
II.4.2	- Cảnh cáo	-16	1 lần
II.4.3	- Đinh chỉ học tập	-25	1 lần

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM	ĐỊNH LƯỢNG
II.5	Vi phạm quy định đóng học phí			
II.5.1	- Khiến trách	-8	1 lần	
II.5.2	- Cảnh cáo	-16	1 lần	
II.6	Vi phạm nội quy Nội trú Ký túc xá			
II.6.1	- Nhắc nhở 1 lần	-2	1 lần	
II.6.2	- Nhắc nhở 2 lần	-4	2 lần	
II.6.3	- Khiến trách	-8	1 lần	
II.6.4	- Cảnh cáo	-16	1 lần	
II.6.5	- Bị buộc rời khỏi ký túc xá	-20	1 lần	
II.6.6	- Đinh chỉ học tập	-25	1 lần	
II.7	Vi phạm sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa, đầu năm học.			
II.7.1	- Khiến trách	-8	1 lần	
II.7.2	- Cảnh cáo	-16	1 lần	
II.8	Vi phạm thực hiện đạo đức tác phong trong trường			
II.8.1	- Vi phạm 1 lần	-2	1 lần	
II.8.2	- Vi phạm 2 lần	-4	2 lần	
II.8.3	- Khiến trách	-8	1 lần	
II.8.4	- Cảnh cáo	-16	1 lần	
II.9	Vi phạm quy định về bảo hiểm y tế			
II.9.1	- Vi phạm 1 lần	-4	1 lần	
II.9.2	- Vi phạm 2 lần	-8	2 lần	
II.9.3	- Vi phạm 3 lần	-16	3 lần	
II.9.4	- Vi phạm 4 lần	-25	4 lần	
II.10	Các vi phạm về nề nếp lối sống, tác phong trong môi trường sư phạm, văn hóa SPKT; uống rượu bia trong giờ học; say rượu bia khi đến lớp; Hút thuốc lá trong giờ học, nơi học, nơi cấm hút thuốc; Chơi cờ bạc; Dưa người lạ vào trường, KTX gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong trường; Vi phạm các quy định về an toàn giao thông và các vi phạm khác theo quy định.			
II.10.1	- Vi phạm 1 lần	-2	1 lần	
II.10.2	- Vi phạm 2 lần	-4	2 lần	
II.10.3	- Khiến trách	-8	1 lần	
II.10.4	- Cảnh cáo	-16	1 lần	
II.10.5	- Đinh chỉ học tập	-25	1 lần	
III. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI: từ 0 - 20 điểm (điểm vượt khung không quá 50% - tối đa 30 điểm)				
III.1	Là Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên Hội SV, thành viên Câu lạc bộ/Đội/Nhóm cấp trường.	2	điểm/ đơn vị	
III.2	Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội cấp Khoa.			
III.2.1	- Tham gia với tư cách là người tham dự, cổ vũ, thưởng thức, học tập, khảo sát ...	2	điểm/chương trình	
III.2.2	- Tham gia với tư cách là người dự thi, thi đấu, biểu diễn, báo cáo,...	3	điểm/chương trình	



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM	ĐỊNH LƯỢNG
III.2.3	- Tham gia với tư cách là người tổ chức hoạt động.	4	điểm/chương trình
III.3	Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội cấp Trường.		
III.3.1	- Tham gia với tư cách là người tham dự, cổ vũ, thường thức, học tập, khảo sát ...	3	điểm/chương trình
III.3.2	- Tham gia với tư cách là người dự thi, thi đấu, biểu diễn, báo cáo,...	4	điểm/chương trình
III.3.3	- Tham gia với tư cách là người tổ chức hoạt động.	5	điểm/chương trình
III.4	Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội trên cấp Trường.		
III.4.1	- Tham gia với tư cách là người tham dự, cổ vũ, thường thức, học tập, khảo sát ...	3	điểm/chương trình
III.4.2	- Tham gia với tư cách là người dự thi, thi đấu, biểu diễn, báo cáo,...	5	điểm/chương trình
III.4.3	- Tham gia với tư cách là người tổ chức hoạt động.	7	điểm/chương trình
III.5	Điểm trừ		
III.5.1	SV không tham dự ít nhất một buổi sinh hoạt, hoạt động chính trị xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội từ cấp khoa trở lên/học kỳ.	-2	Theo học kỳ
III.5.2	SV bị trừ tương đương số điểm khi đăng ký tham gia các hoạt động nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng.		Theo Chương trình
III.6	Điểm thưởng		
III.6.1	Đạt giải III, khuyến khích cấp trường hoặc được biểu dương, khen thưởng cấp phường, xã trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	2	điểm/thành tích
III.6.2	Đạt giải I, II cấp trường hoặc được biểu dương, khen thưởng cấp quận, huyện trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	3	điểm/thành tích
III.6.3	Đạt giải III, khuyến khích cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	4	điểm/thành tích
III.6.4	Đạt giải I, II (hoặc giải A, B) cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	5	điểm/thành tích
III.6.5	Đạt giải III, khuyến khích cấp Trung ương trở lên trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	6	điểm/thành tích
III.6.6	Đạt giải I, II (hoặc giải A, B) cấp Trung ương trở lên trong các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.	7	điểm/thành tích
III.7	Các hình thức khen thưởng khác về hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội.		
III.7.1	- Cấp trường.	3	điểm/thành tích
III.7.2	- Cấp tinh, thành phố trực thuộc trung ương.	5	điểm/thành tích
III.7.3	- Cấp trung ương, quốc tế.	7	điểm/thành tích

IV. PHẨM CHẤT CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG: từ 0 - 25 điểm (điểm vượt)



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM	ĐỊNH LƯỢNG
<i>khung không quá 50% - tối đa 38 điểm)</i>			
IV.1	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước; Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ trật tự, trị an và an toàn xã hội trong và ngoài trường.	5	Nếu vi phạm, không có điểm
IV.2	Thực hiện tốt nội quy sinh hoạt ngoại trú, nội trú ký túc xá.	5	Nếu vi phạm, không có điểm
IV.3	Tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.	-5 → 5	Điểm theo phần trăm hoàn thành của SV
IV.4	Tham gia hoạt động công tác xã hội được công nhận trong học kỳ.	5	Có tham gia và được quy đổi điểm CTXH; không tham gia không có điểm.
IV.5	Kích hoạt & sử dụng địa chỉ E-mail do Trường cấp.		Theo học kỳ
IV.5.1	Có kích hoạt & sử dụng địa chỉ E-mail do Trường cấp.	5	Theo học kỳ
IV.5.2	Không kích hoạt, không sử dụng địa chỉ E-mail do Trường cấp.	-5	
IV.6	Các hình thức khen thưởng về phẩm chất công dân quan hệ với cộng đồng.		
IV.6.1	- Cấp trường.	3	điểm/thành tích
IV.6.2	- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	5	điểm/thành tích
IV.6.3	- Cấp Trung ương.	7	điểm/thành tích
V. THAM GIA CÔNG TÁC LỚP, ĐOÀN, HỘI SV: từ 0 - 10 điểm (điểm vượt khung không quá 50% điểm nội dung)			
V.1	Sinh viên, đoàn viên, hội viên hoàn thành nhiệm vụ của lớp, chi đoàn, chi hội.	2	Theo học kỳ
V.2	Lớp trưởng, lớp phó, bí thư, phó bí thư chi đoàn, chi hội trưởng, chi hội phó chi hội lớp; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm câu lạc bộ, đội, nhóm trực thuộc khoa; chi hội trưởng các lầu thuộc ký túc xá; Cộng tác viên Đoàn – Hội cấp khoa hoàn thành nhiệm vụ.	6	Theo học kỳ
V.3	Ủy viên BCH Đoàn cơ sở trực thuộc đoàn trường, ủy viên BCH liên chi hội SV trực thuộc Hội SV trường; Ban điều hành Câu lạc bộ/Đội/Nhóm cấp trường, Cộng tác viên Đoàn trường – Hội SV trường, Cộng tác viên các Khoa/Phòng/TT hoàn thành nhiệm vụ.	8	Theo học kỳ
V.4	Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường, Ủy viên Ban chấp hành Hội SV trường; Bí thư, phó bí thư đoàn cơ sở trực thuộc đoàn trường, Liên chi hội trưởng, liên chi hội phó chi hội SV trực thuộc Hội SV trường, Chi ủy viên chi bộ SV, Tư vấn viên là sinh viên hoàn thành nhiệm vụ.	10	Theo học kỳ
V.5	Điểm thường		
V.5.1	Nhận giấy khen của cấp trường về công tác Đoàn, Hội SV; về các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.	2	điểm/khen thưởng
V.5.2	Nhận bằng khen của cấp tỉnh, thành phố về công tác Đoàn, Hội SV, Hội Liên hiệp thanh niên; về các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.	4	điểm/khen thưởng
V.5.3	Nhận bằng khen của cấp Trung ương về công tác Đoàn, Hội SV, Hội Liên hiệp thanh niên; về các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.	6	điểm/khen thưởng



Phụ lục 2
CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO QUY ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-DHSPKT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng)

Mẫu 1 – Bảng điểm rèn luyện học kỳ (dùng để cấp cho SV)

Mẫu 2 – Danh sách kết quả và xếp loại điểm rèn luyện sinh viên (kèm theo quyết định công nhận điểm rèn luyện học kỳ của Hiệu trưởng)

Mẫu 3 – Giấy xác nhận điểm rèn luyện năm học (dùng để cấp cho SV)

Mẫu 4 – Giấy xác nhận điểm rèn luyện toàn khóa (dùng để cấp cho SV)

Mẫu 1 - Bảng điểm rèn luyện học kỳ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: /BDRL-DHSPKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ ... NĂM HỌC

Sinh viên:

Ngày sinh: – Nơi sinh:

Lớp:

MSSV:

Hệ đào tạo: Đại học – Chính quy (CN)

Ngành:

Nội dung đánh giá	Điểm RL	Chi tiết	Đơn vị chủ trì
I. Ý thức và kết quả học tập (tối đa 30 điểm)			
Điểm TBC học kỳ xếp loại	Điểm		
Điểm cộng khi đạt các nội dung sau:			
- Dự thi các cuộc thi, hội thi học thuật	Điểm		
+ Tham dự		Điểm	Đơn vị
- Tham dự các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề, tọa đàm, huấn luyện kỹ năng, sinh hoạt, giao lưu, trao đổi về học tập, nghiên cứu khoa học	Điểm 1+2		
+ Hoạt động 1		Điểm 1	Đơn vị
+ Hoạt động 2		Điểm 2	Đơn vị
II. Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong trường (tối đa 25 điểm)			
Thực hiện tốt nội quy, quy chế, không bị kỷ luật	25		
- Vi phạm quy chế..... (nếu có)	Điểm		
+ Mức độ vi phạm		Điểm	Đơn vị
III. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (tối đa 30 điểm)			
Là Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên HSV, thành viên Câu lạc bộ/Đội/Nhóm (1 đơn vị)	4		
+ Đơn vị 1		2	Đơn vị
+ Đơn vị 2		2	Đơn vị
Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội cấp khoa	Điểm		
+ Tham dự chương trình.....		Điểm	Đơn vị
Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội cấp Trường.	Điểm		
+ Tham gia tổ chức hoạt động...		Điểm	Đơn vị
IV. Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng (tối đa 37,5 điểm)			
Chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước; Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ trật tự, trật an và an toàn xã hội trong và ngoài trường.	5		
Thực hiện tốt nội quy sinh hoạt ngoại trú, nội trú ký túc xá.	5		
Tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.	-5 → 5		
Tham gia hoạt động công tác xã hội được công nhận trong học kỳ.	5		
Kích hoạt & sử dụng địa chỉ E-mail do Trường cấp.	5		

+ Có Kích hoạt & sử dụng địa chỉ E-mail do Trường cấp		5	Đơn vị
V. Ý thức và kết quả tham gia công tác của lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV (tối đa 15 điểm)			
Sinh viên, đoàn viên, hội viên hoàn thành nhiệm vụ của lớp, chi đoàn, chi hội.	2		
Üy viên Ban chấp hành đoàn	Điểm		
+ Hoàn thành nhiệm vụ		Điểm	

Điểm rèn luyện học kỳ: **100 điểm**

Xếp loại rèn luyện học kỳ : **Xuất sắc**

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SV**

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu 2 - Danh sách kết quả và xếp loại điểm rèn luyện sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Khoa:

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHSPKT ngày / /20 của Hiệu trưởng)

Tổng cộng danh sách này có: ... sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc		Trung bình	
Tốt		Yếu	
Khá		Kém	
Tổng cộng:			

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SV

(Ký tên, đóng dấu)

✓

Mẫu 3 - Giấy xác nhận điểm rèn luyện năm học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: /GCN-ĐRL-ĐHSPKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN ĐIỂM RÈN LUYỆN
NĂM HỌC 20... - 20...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Xác nhận Sinh viên: Ngày sinh:, Mã SV:

Lớp:, Khoa:, Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Có điểm rèn luyện năm học: điểm; Xếp loại:

Cụ thể theo học kỳ:

- HK1: điểm; Xếp loại:
- HK2: điểm; Xếp loại:

Điểm rèn luyện tích lũy: : điểm; Xếp loại:

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SV

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu 4 - Giấy xác nhận điểm rèn luyện toàn khóa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Số: /GCN-ĐRL-DHSPKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Xác nhận Sinh viên: Ngày sinh:, Mã SV:

Lớp:, Khoa:, Hệ đào tạo: Đại học chính quy

TT	Năm học	Học kỳ	Điểm RL	Xếp loại RL
1				
2				
3				

Điểm rèn luyện tích lũy toàn khóa: điểm;

Xếp loại rèn luyện tích lũy toàn khóa:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
 TP. TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SV**

(Ký tên, đóng dấu)